

Tương quan giữa Đức tin và các truyền thống văn hóa-tôn giáo khác dưới ánh sáng của Huấn Quyền

The Relationship between Faith and Other Cultural–Religious Traditions in the Light of the Magisterium

Lm. Fx. Nguyễn Tiến Dũng^{1*}, AA

¹Học Viện Công Giáo Việt Nam

¹Dòng Thăng Thiên Thánh Augustinô

*Email của tác giả liên hệ: hocvienconggiao@gmail.com

<https://doi.org/10.54855/csl.25533>

© Copyright (c) 2025 Nguyễn Tiến Dũng

Received: 07/06/2025

Revision: 17/08/2025

Accepted: 21/08/2025

Online: 22/08/2025

ABSTRACT

Keywords: Faith; Culture; Vatican II; Interreligious Dialogue; Inculturation

The article examines the interaction between Christianity and other cultural–religious traditions in light of the teaching of Vatican II and post-conciliar documents. The author emphasizes that God’s revelation always enters concrete cultural contexts, which are purified and fulfilled in Christ. Documents such as *Lumen gentium*, *Ad gentes*, and *Nostra aetate* affirm the presence of authentic values of truth, goodness, and beauty in other religions, while highlighting the Church’s mission to proclaim the Gospel as their fulfillment in Christ. The Church acknowledges and respects the moral and spiritual values of different traditions while remaining faithful to Christian identity through dialogue, inculturation, and evangelization. The article concludes that interreligious dialogue and the proclamation of the Gospel are not mutually exclusive but complementary, fostering fraternity and universal communion in Christ.

TÓM LƯỢC

Từ khoá: Đức tin; Văn hóa; Công đồng Vaticanô II; Đối thoại liên tôn; Hội nhập văn hóa

Bài viết này phân tích mối liên hệ giữa Kitô giáo và các truyền thống văn hóa – tôn giáo khác dưới ánh sáng huấn quyền Công đồng Vaticanô II và các văn kiện hậu Công đồng. Tác giả nhấn mạnh rằng mạc khải của Thiên Chúa luôn đi vào bối cảnh văn hóa cụ thể, được thanh luyện và kiện toàn nhờ Đức Kitô. Các văn kiện như *Lumen gentium*, *Ad gentes* và *Nostra aetate* khẳng định sự hiện diện của những giá trị chân thiện mỹ trong các truyền thống tôn giáo, đồng thời nhấn mạnh sứ mạng loan báo Tin Mừng để hoàn tất chúng nơi Đức Kitô. Giáo Hội vừa tôn trọng các giá trị tinh thần và luân lý của các tôn giáo, vừa trung thành với căn tính Kitô giáo qua đối thoại, hội nhập và truyền giáo. Bài viết kết luận rằng đối thoại liên tôn và loan báo Tin Mừng không loại trừ, nhưng bổ túc cho nhau, nhằm xây dựng tình huynh đệ và sự hiệp thông phổ quát trong Chúa Kitô.

Dẫn nhập

Trong lịch sử cứu độ, khi Thiên Chúa tiếp cận với con người, Ngài tiếp cận qua bối cảnh sống, ngôn ngữ, tâm thức, văn hóa và nhiều khi chính cả tôn giáo sẵn có của con người. Mặc khải không rơi thẳng từ trên trời xuống, nhưng đi qua môi trường sống của con người. Thiên Chúa đã nói qua ngôn ngữ và văn phạm của con người. Đức Giê-su đã nhập thể và nhập thể trong một nền văn hóa. Ngài đã đón nhận những gì tốt nhất của chính nền văn hóa và tôn giáo sẵn có. Đồng thời, Ngài cũng đã thanh tẩy, hoàn thiện và siêu thăng chính nền văn hóa và tôn giáo này.

Thần học Công giáo mở ra với các truyền thống văn hóa và tôn giáo khác, vì từ xa xưa, các giáo phụ đã xem các nền văn hóa, các tôn giáo, các nền triết học chân chính là nơi hoạt động của hạt giống Ngôi Lời (Justinô, Clémentê thành Alexandria). Giáo Hội thời Thánh Giáo hoàng Gio-an Phao-lô II đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò Thần Khí nơi các nền văn hóa và tôn giáo (Giáo huấn thời đầu thì thôi). Một số nhà thần học Á Châu chú ý đến sự hiện diện của Đức Ki-tô phục sinh nơi các tôn giáo khác, dù họ chưa nhận ra dung mạo của Ngài, giống như hai môn đệ trên đường Em-mau.

Khi đối diện với các truyền thống văn hóa và tôn giáo khác, người ki-tô hữu thường có hai thái cực: duy tương đối (relativisme) và duy tuyệt đối (absolutisme). Duy tương đối cho rằng mọi tôn giáo đều có giá trị như nhau, để rồi tương đối hóa hoặc đánh mất chân tính độc đáo của Ki-tô giáo. Trái lại, duy tuyệt đối lại đồng hóa Ki-tô giáo với Đức Ki-tô, để rồi tuyệt đối hóa Ki-tô giáo và xem thường mọi giá trị chân lý và luân lý của các tôn giáo khác. Như thế, có thể phủ nhận hoạt động của Chúa Thánh Thần và không nhận ra sự hiện diện của Ngôi Lời nơi các nền văn hóa và tôn giáo ngoài Ki-tô giáo.

Để tránh hai thái cực trên, bài viết này muốn tìm hiểu các giáo huấn của Công đồng Vaticanô II và các bản văn hậu Công đồng liên quan tới các nền văn hóa và tôn giáo khác, nhằm giúp người tín hữu chọn một đường đi phù hợp với lời chỉ dạy của Mẹ Giáo Hội.

Những giá trị tích cực hàm chứa trong các truyền thống tôn giáo theo Vatican II

Các bản văn mà chúng ta nghiên cứu ở đây nằm trong thứ tự của Công Đồng : Hiến chế *Lumen gentium* (16-17), tuyên ngôn *Nostra aetate* và sắc lệnh *Ad gentes* (3,9-11). Trong từng bản văn, Công Đồng phát triển ba đề tài : (1), Ôn cứu độ cho những người ngoài Giáo Hội ; (2), Giá trị đích thực mà ta có thể tìm thấy nơi những người ngoài ki-tô giáo và trong các truyền thống tôn giáo của họ; (3), Định giá của Giáo Hội về các giá trị này và thái độ mà Giáo Hội chọn lựa trong tương quan đối với các tín đồ và các truyền thống tôn giáo.

Lumen gentium (16) khẳng định rằng sự trợ giúp của Thiên Chúa là cần thiết cho ơn cứu độ, không chỉ cho những người thuộc các truyền thống tôn giáo, nhưng cả cho « những kẻ vô tình chưa nhận biết Thiên Chúa cách rõ ràng, nhưng nhờ ơn Chúa, cố gắng sống đời chính trực, Chúa Quan Phòng không từ chối ban ơn trợ lực cần thiết để họ được cứu rỗi ». Bản văn viết tiếp : « Thật vậy, Giáo Hội xem tất cả những gì là chân thiện nơi họ như để chuẩn bị họ lãnh nhận Phúc Âm, như một ân huệ mà Đấng soi sáng mọi người ban cho hầu cuối cùng họ được sống » (LG 16).

Các giá trị tích cực ở đây được gán cho từng con người cụ thể, chứ không phải cho cộng đoàn tôn giáo trong đó các cá nhân này trực thuộc. Bản văn cũng thêm rằng, ngoài những yếu tố tích cực, « con người cũng thường bị ma quỷ gạt gẫm làm sai lạc phán đoán của mình khiến họ đánh đổi chân lý Thiên Chúa lấy sự giả dối, phụng sự tạo vật hơn là phụng sự Đấng Tạo Hóa (x. Rm 1,21 và 25) (LG 16). Sứ mạng của Giáo Hội hệ tại ở việc rao giảng Tin Mừng cứu độ trong Đức Giê-su Ki-tô cho tất cả mọi người: « **Thực ra, những gì thiện hảo trong tâm hồn và tư tưởng của loài người, hoặc trong nghi lễ văn hóa riêng của các dân tộc, hoạt động của Giáo Hội**

không nhằm tiêu diệt chúng, nhưng lành mạnh hóa, nâng cao và hoàn thành chúng, hầu làm vinh danh Thiên Chúa, đánh bại ma quỷ và mưu cầu hạnh phúc cho con người » (LG 17).

Như vậy, một mặt, Giáo Hội nhìn nhận những yếu tố tích cực nơi từng con người khi họ mở lòng đón nhận những gì là tốt đẹp nhất trong các truyền thống tôn giáo của họ; mặt khác, Giáo Hội cũng ý thức bổn phận loan báo sứ điệp Tin Mừng của mình, hầu dẫn đưa con người đến sự trọn hảo.

Ad gentes (Sắc lệnh về hoạt động truyền giáo của Giáo Hội) cũng nói đến sự kết hợp giữa thái độ đón nhận của các tín đồ và những giá trị khách quan của các tôn giáo : « Ý định của Thiên Chúa nhằm cứu rỗi toàn thể nhân loại không phải chỉ được thực hiện một cách có thể nói là kín đáo trong tâm trí con người, **nhưng còn bằng những sáng kiến, ngay cả sáng kiến tôn giáo**, nhờ đó con người tìm kiếm Thiên Chúa bằng nhiều cách, « hầu may ra sẽ đến gần Ngài hoặc gặp được Ngài, mặc dù Ngài không ở xa mỗi người chúng ta » (Cv. 17,27) (...) » (AG 3).

Ở đây, những « sáng kiến tôn giáo » hình như có tương quan với các yếu tố tích cực trong các tôn giáo, các sáng kiến này được phân biệt rõ ràng với thái độ sẵn sàng từ bên trong của từng con người, giúp định hình đời sống tôn giáo của từng người. Tuy nhiên, các « sáng kiến này » cũng « cần phải được soi dẫn và tu bổ, tuy đôi khi, nhờ ý định nhân lành của Chúa Quan Phòng, có thể được coi như con đường hướng về Thiên Chúa chân thật hoặc chuẩn bị Phúc Âm » (AG 3).

Cùng một ý tưởng này được lặp lại trong *Ad gentes* (9), khi Công Đồng đề cập tới tương quan giữa các hoạt động truyền giáo của Giáo Hội với thế giới ngoài Ki-tô giáo. Hoạt động truyền giáo nhằm thanh tẩy, nâng cao và kiện toàn trong Đức Giê-su Ki-tô những gì là tốt đẹp nơi mỗi con người và mỗi truyền thống tôn giáo: « Tất cả những gì là chân lý và ân sủng đã có nơi các dân tộc như một sự hiện diện bí ẩn của Thiên Chúa sẽ được hoạt động truyền giáo giải thoát cho khỏi bị nhiễm độc và hoàn lại cho Chúa Ki-tô là Đấng tác thành chúng (...). **Bởi vậy, bất cứ điều gì tốt đẹp khám phá thấy là đã được gieo vãi trong tâm trí con người, hay trong những lễ chế và văn minh riêng của các dân tộc, sẽ không bị hủy diệt, nhưng còn được thanh tẩy, thăng tiến và hoàn tất, để Chúa được tôn vinh, ma quỷ bị xấu hổ và con người được hạnh phúc** (xem LG 17) » (AG 9).

Khởi đi từ những khám phá ra những gì là chân thiện mỹ nơi thế giới ngoài Ki-tô giáo, *Ad gentes* đã rút ra kết luận cho phương thức truyền giáo của người ki-tô hữu: « Để có thể làm chứng về Chúa Ki-tô một cách hữu hiệu, chính các ki-tô hữu phải lấy lòng kính trọng và tình bác ái liên kết với những người ấy, phải biết mình là thành phần của nhóm người mình chung sống và tham gia đời sống văn hóa, xã hội qua những giao tiếp và hoạt động khác nhau trong đời sống nhân loại. Họ phải làm quen với những truyền thống dân tộc và tôn giáo của những người ấy ; **phải lấy làm sung sướng và kính cẩn khám phá ra những hạt giống Lời Chúa đang tiềm ẩn trong họ** (...) Như chính Chúa Ki-tô đã dò xét tâm hồn con người và đối thoại với họ đúng theo kiểu loài người để dẫn họ đến ánh sáng thần linh, các môn đệ của Người, một khi thâm nhuần tinh thần Chúa Ki-tô, cũng phải hiểu biết người họ chung sống, và phải đối thoại với họ, để nhờ chính việc đối thoại chân thành và nhẫn nại đó, các môn đệ học biết những ân huệ phong phú đã được Thiên Chúa rộng ban cho các dân tộc ; đồng thời các môn đệ phải cố gắng đem ánh sáng Phúc Âm chiếu soi những sự phong phú đó, giải thoát chúng và đem chúng quy phục về Chúa Cứu Thế » (AG 11).

Tuyên Ngôn *Nostra aetate* đề cập tới sự gặp gỡ giữa Giáo Hội và các tôn giáo trên thế giới, khi cố gắng suy tư về nguồn gốc và cứu cánh chung của mỗi người trong Thiên Chúa, đồng thời trả lời về những câu hỏi căn bản làm con người bận tâm : « Con người mong đợi các tôn

giáo giải đáp về những bí nhiệm xưa nay vẫn làm tâm hồn họ xao xuyến sâu xa : con người là gì ? Đời người có mục đích và ý nghĩa nào? Sự thiện và tội ác là chi? Đâu là nguyên nhân và mục đích của đau khổ? Đâu là con đường dẫn tới hạnh phúc thật sự? Cái chết, sự phán xét, và sự thưởng phạt sau khi chết là gì? Sau cùng, cái huyền nhiệm tối hậu khôn tả vẫn bao trùm cuộc sống chúng ta là chi, chúng ta xuất phát từ đâu và chúng ta hướng về đâu? » (NA 1).

Và rồi, một thái độ của Giáo Hội đối với các tôn giáo được diễn tả như sau: « **Giáo Hội Công Giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo Hội xét thấy những phương thức hành động và lối sống, những huấn giới và giáo thuyết kia, tuy rằng có nhiều điểm khác với chủ trương mà Giáo Hội duy trì, nhưng cũng thường đem lại ánh sáng của Chân Lý, Chân Lý chiếu soi cho hết mọi người.** Tuy nhiên Giáo Hội rao giảng và có bổn phận phải kiên trì rao giảng Chúa Kitô, Đấng là « đường, sự thật và sự sống » (Ga 14,6), nơi Người, con người tìm thấy đời sống tôn giáo sung mãn và nhờ Người, Thiên Chúa giao hòa mọi sự với mình (xem 2 Cor 5,18-19).

Vì thế, **Giáo Hội khuyến khích con cái mình nhìn nhận, duy trì và cổ động cho những thiện ích thiêng liêng cũng như luân lý và những giá trị xã hội văn hóa của các tín đồ thuộc các tôn giáo ấy** mà vẫn là chứng tá của đức tin và đời sống Kitô giáo » (NA 2).

Chúng ta có thể quan sát và thấy rằng những giá trị nơi các tôn giáo được bản văn nhấn mạnh hơn so với các văn bản trước. Cụ thể, các thuật ngữ được thêm vào như: « những phương thức hành động và lối sống, (...) những huấn giới và giáo thuyết (...) cũng thường đem lại ánh sáng Chân Lý chiếu soi cho hết mọi người ». Dù không trích dẫn một cách cụ thể Gio-an 1,9, nhưng ta thấy có bóng dáng của bản văn này. Đó là sự hiện diện, dù chưa toàn diện, nhưng một cách cụ thể của « Chân Lý » trong các tôn giáo. Đây là lý do thúc đẩy Giáo Hội kính trọng các tôn giáo khác và thăng tiến các giá trị tinh thần và văn hóa nơi các tôn giáo này, đồng thời sứ mạng của Giáo Hội cũng loan báo « sự trọn hảo của đời sống tôn giáo » trong Đức Giê-su Kitô.

Giáo huấn của Công đồng sử dụng nhiều thuật ngữ của các truyền thống xưa, nhưng thiếu những định nghĩa cụ thể. Vì thế, một tài liệu của Văn Phòng Đối Thoại Với Những Người Ngoài Kitô Giáo được xuất bản vào năm 1984, tái khẳng định những giá trị tích cực của các truyền thống tôn giáo khi quy tụ các thuật ngữ mà Công Đồng đã sử dụng. Bản văn viết:

« (...) Các Nghị phụ của Công Đồng đã khẳng định rằng, trong các truyền thống tôn giáo ngoài Kitô giáo có những yếu tố « chân thiện » (LG 16), những « yếu tố tôn giáo và nhân bản quý giá » (GS 92), những yếu tố « của chân lý và ân sủng » (AG 9), « những hạt giống của Ngôi Lời » (AG 11; 15), những « tia sáng của Chân Lý chiếu soi hết thảy mọi người » (NA 2).

Theo các khẳng định một cách rõ ràng nhất của Công Đồng, tất cả những giá trị này quy tụ trong các truyền thống tôn giáo của nhân loại. Nó cần được các Kitô hữu chú ý và tôn trọng. Những kho tàng thiêng liêng này mời gọi các Kitô hữu tham gia đối thoại một cách thiết thực (xem NA 2, 3; AG 11), không chỉ trên những điểm tương đồng, mà còn với cả những điểm dị biệt nữa » (26)¹.

Các bản văn hậu Công Đồng Vaticanô II

Ở phần này, chúng ta sẽ nghiên cứu những bản văn quan trọng về mặt tín lý từ Công Đồng Vaticanô II đến nay, để biết quan điểm của Giáo Hội về các tôn giáo và các nền văn hóa.

Ecclesiam suam: Thông điệp *Ecclesiam suam* được Đức Phaolô VI ban hành ngày 6 tháng 8 năm 1964, giữa khóa họp thứ hai và thứ ba của Công Đồng. Thông điệp đã để lại dấu ấn của

¹ Bản văn của SECRETARIATUS PRO NON CHRISTIANIS, *Bulletin*, n. 56 ; 19 (1982/2), tr. 146-165 (ở đây tr. 155).

tinh thần đối thoại (bản văn gọi là *colloquium*-gặp gỡ, trao đổi) mà Công Đồng Vaticanô II chủ trương. Đức Thánh Cha giải thích rằng lịch sử cứu độ là một cuộc đối thoại liên tục giữa Thiên Chúa và con người, vì thế vai trò của Giáo Hội là tiếp tục cuộc đối thoại này. Giáo Hội có một địa vị đặc thù đề đi vào cuộc đối thoại với tất cả mọi người, với bốn cấp độ theo tính tự từ ngoài vào trong như sau: đối thoại với toàn thể thế giới; đối thoại với các thành viên của các tôn giáo khác; đối thoại với các Giáo Hội cùng tin vào Đức Ki-tô; và cuối cùng, đối thoại ở bên trong nội bộ của Giáo Hội².

Liên quan đến đối thoại liên tôn, Đức Thánh Cha tỏ ra rất thận trọng về mặt tín lý: « Dĩ nhiên, chúng ta không thể đồng tình với tất cả các biểu hiện của niềm tin này, cũng như chúng ta không thể đứng dung như thể xem tất cả các tôn giáo trong cách thức biểu lộ niềm tin của mình đều như nhau, và như thể là các tôn giáo này có quyền miễn trừ cho các tín đồ của mình đi tìm một Thiên Chúa mặc khải dưới dạng không sai lầm, trọn hảo và dứt khoát, qua đó Ngài muốn được biết, được yêu và được phục vụ; ngược lại, vì bốn phận trung thực, chúng tôi phải bày tỏ xác tín của mình rằng tôn giáo thật thì duy nhất và đó là Ki-tô giáo, trong hy vọng rằng tôn giáo này được nhận biết một cách thật sự bởi những ai tìm kiếm và tôn thờ Thiên Chúa » (tr. 1090).

Cùng lúc, Đức Giáo Hoàng cũng tuyên bố: « **Nhưng chúng tôi cũng không muốn chối từ nhìn nhận với tất cả sự kính trọng các giá trị thiêng liêng và luân lý trong các tôn giáo ngoài Ki-tô giáo; chúng tôi muốn cùng với họ thăng tiến và bảo vệ những lý tưởng mà tất cả đều theo đuổi (...). Liên quan đến những lý tưởng cùng theo đuổi, đối thoại từ phía chúng tôi là có thể, và trong tinh thần thật thà và tôn trọng lẫn nhau, chúng tôi sẵn sàng ban tặng cũng như đón nhận với tất cả lòng khoan dung** » (Tr. 1090). Dù tôn trọng những giá trị luân lý và thiêng liêng của các tôn giáo khác, tính đặc thù của Ki-tô giáo như là « tôn giáo chân thật duy nhất » thì không tranh cãi.

Evangelii nuntiandi: Đức Giáo Hoàng tái khẳng định điều này qua Tông Huấn *Evangelii nuntiandi*, sau Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 1974 về vấn đề truyền giáo cho thế giới hiện đại. Ngoài những đề tài liên quan đến vấn đề truyền giáo, vấn đề đối thoại liên tôn cũng được đề cập tới. Chúng ta không quên rằng, trong Thượng Hội Đồng, những ý kiến rõ ràng về vấn đề đối thoại liên tôn cũng đã có dịp bày tỏ, nhất là từ các giám mục Á Châu³. Vì không đưa ra được một tài liệu nhân danh mình, Thượng Hội Đồng bằng lòng với một tuyên bố ngắn, trong đó hoàn toàn im lặng trước các câu hỏi liên quan tới các tôn giáo trên thế giới. Trong bối cảnh

² DC 61 (1964), tr. 1090.

³ Tổng Giám mục Angelo Fernandes của Delhi (Ấn Độ) đã bày tỏ như sau: « Một thần học về các tôn giáo thế giới đòi hỏi chúng ta (...) nhìn nhận một cách đầy đủ rằng trong quá khứ Thiên Chúa đã làm việc bằng nhiều cách thức khác nhau với các dân tộc khác nhau, và Ngài tiếp tục làm như vậy ngày hôm nay. Bốn phận cấp bách của chúng ta là xây dựng một thần học về các truyền thống tôn giáo sống động của thế giới và ý nghĩa của các truyền thống này trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa. Môn thần học này sẽ có bốn phận chỉ ra rằng Chúa Phục Sinh là Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và con người, và chỉ nhờ danh Ngài mà mọi người đạt tới ơn cứu độ; Đấng Phục Sinh, qua Thánh Thần của Ngài, luôn hiện diện và hoạt động, không chỉ trong trí óc và con tim của tất cả những ai chưa hề nghe danh Ngài, nhưng cả trong các biểu hiện cụ thể, qua đó, trong phạm vi các truyền thống tôn giáo, và ngay ở giữa các cộng đồng tôn giáo, các tín đồ tìm được cách thức diễn tả niềm tin của mình. Khi khẳng định cách thức thực hành niềm tin của người khác, các sách thánh của họ cũng như cách thức thực hành bí tích của họ tạo thành một con đường, qua đó Đức Ki-tô Phục Sinh gặp gỡ họ, hoàn toàn không đe dọa tới tính duy nhất của Đức Ki-tô và sứ điệp của Ngài. Ngược lại, thần học của chúng ta phải chỉ ra rằng tính duy nhất của Ki-tô giáo hệ tại ở điểm này: nó không loại bỏ tôn giáo nào; nó ôm chầm tất cả. Các truyền thống tôn giáo, trong đó, Đức Ki-tô hiện diện nhưng còn ẩn mặt, Thần Khí của Ngài luôn làm việc một cách kín đáo, được tiên liệu để đi tới sự kiện toàn của mình trong việc nhận biết một cách tỏ tường Đấng làm chủ lịch sử. Chính ở bên trong, chứ không phải ở bên ngoài của các truyền thống tôn giáo này mà các tín đồ của các tôn giáo này bị thách thức bởi mầu nhiệm của Đức Ki-tô » (Xem D. S. AMALORPAVADASS (éd.), *Evangelization of the Modern World*, p. 129-134 (130-131)).

này, Đức Phao-lô VI trở lại đề tài này qua tông huấn *Evangelii nuntiandi*, ra đời một năm sau đó (ngày 8-12 1975).

Sau khi nhắc lại sự tôn trọng của Giáo Hội đối với các tôn giáo ngoài Ki-tô giáo đã được Công Đồng Vaticanô II khẳng định, Đức Thánh Cha bày tỏ như sau:

« Sự tôn trọng và sự quý mến đối với các tôn giáo, cũng những phức tạp đến từ các câu hỏi đặt ra không dẫn Giáo Hội tới việc thịnh lặng trước việc loan báo Đức Giê-su cho những người ngoài Ki-tô giáo (...).

Ngay cả khi đứng trước những biểu hiện tôn giáo tự nhiên xứng đáng được tôn trọng nhất, Giáo Hội vẫn bám trụ vào tôn giáo của Đức Giê-su mà Giáo Hội không ngừng loan báo qua công tác truyền giáo, vì tôn giáo này đặt con người trong tương quan khách quan với chương trình của Thiên Chúa, với sự hiện diện sống động của Ngài, và với hoạt động của Ngài ; Giáo Hội cũng làm cho con người gặp gỡ mầu nhiệm về tình phụ tử của một Thiên Chúa hằng hướng tâm về nhân loại ; nói một cách khác, tôn giáo của chúng ta tái tạo một tương quan đích thực và sống động với Thiên Chúa mà các tôn giáo khác không thể thiết lập được, dù họ dang tay hướng về trời »⁴.

Hình ảnh « hai tay hướng về trời », để nhìn Thiên Chúa « hướng về nhân loại » trong Đức Giê-su như trả lời các khát vọng của con người; sự phân biệt hai cụm từ « các biểu hiện tôn giáo tự nhiên xứng đáng được tôn trọng nhất » và tôn giáo của Đức Giê-su là tôn giáo duy nhất « đặt con người trong tương đích thực và sống động » làm người ta liên tưởng tới « thân học hoàn thiện » với cách thức cô điển nhất⁵. Như vậy, ta thấy hình như các khẳng định có tính cởi mở của Công Đồng không còn chỗ đứng trong tông huấn này. Nếu như qua thông điệp *Ecclesiam suam*, Đức Phao-lô VI xuất hiện như một vị giáo hoàng của đối thoại, thì trong tông huấn *Evangelii nuntiandi*, ngài hoàn toàn im lặng trước các câu hỏi về đối thoại liên tôn.

Redemptor hominis : Trong thông điệp đầu tiên của ngài, *Redemptor hominis* (ngày 4 tháng 3 năm 1979), Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II thấy rõ “sự vũng vàng của tín ngưỡng” nơi những người ngoài Ki-tô giáo là một “kết quả của Thánh Thần chân lý”, và ngài tự hỏi: “phải chăng có đôi lúc “sự vũng vàng của tín ngưỡng” nơi các thành viên của các tôn giáo ngoài Ki-tô – một thành quả của Thánh Thần chân lý hoạt động vượt qua biên giới hữu hình của Thân Thể mầu nhiệm – không làm cho các Ki-tô hữu xấu hổ, vì đã thường xuyên nghi ngờ các chân lý được Thiên Chúa mặc khải và được Giáo Hội loan báo (...)?” (RH 6)⁶.

Nhận thấy hoạt động có tính hoàn vũ của Thánh Thần ở bên trong cũng như bên ngoài của Giáo Hội, Đức Thánh Cha chỉ ra điều nối kết các tôn giáo lại với nhau: các tôn giáo “ phản chiếu một chân lý duy nhất”, các con đường khác nhau đi về cùng một đích duy nhất: “đúng hơn, các Giáo

⁴ DC 73 (1976), tr. 11.

⁵ Ngược với tuyên bố của Đức Giáo Hoàng, văn bản chuẩn bị cho Thượng Hội Đồng Giám Mục của Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu đi theo một hướng khác. Khi đề cập tới các tôn giáo ở Á Châu, tài liệu khẳng định : « Chúng tôi (các giám mục Á Châu) chấp nhận các tôn giáo này như những yếu tố có ý nghĩa và tích cực trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa (...) (15) ; và các giám mục tự hỏi : « Làm sao chúng ta không thể không tôn trọng và cảm phục những yếu tố đó ? Làm sao chúng ta không thể không nhìn nhận Thiên Chúa thu hút các dân tộc này đến với Ngài qua các tôn giáo đó ? » (15). Xem « Evangelization in Modern Day Asia » (Taipeh, 22-27 tháng 4 1974), trong : G. ROSALES et C.G. AREVALO (éd.), For All the Peoples of Asia. Federation of Asian Bishops' Conferences Documents from 1970 to 1991, tr. 14. Bản văn thêm rằng: “(Thiên Chúa của lịch sử) đã hiện diện trong lịch sử, trong truyền thống của chúng tôi; qua các con đường ẩn dấu, Ngài đã dẫn dắt chúng tôi- những dân tộc Á Châu- khi khai sáng các thờ cúng cũ, khi hướng dẫn các tôn giáo cổ truyền, khi xuất hiện trong các dạng thức lạ của văn học nghệ thuật truyền thống dân gian, khi nói với chúng tôi qua triết học Đông Phương. Suốt chiều dài lịch sử, một cách kiên nhẫn, Ngài kéo chúng tôi về với Ngài” (tr. 24-25.)

⁶ DC 76 (1979), tr. 301-323 (tr. 304).

Phụ nhìn thấy các tôn giáo khác nhau như phản chiếu một chân lý duy nhất, những “hạt giống của Ngôi Lời” (xem AG 11; LG 17), minh chứng khát vọng sâu xa của con người luôn hướng về một hướng duy nhất, dù với nhiều con đường khác nhau, được diễn tả trong việc tìm kiếm Thiên Chúa, và cùng lúc, ngay cả qua trung gian của sự căng thẳng để hướng về Chúa, trong sự tìm kiếm các chiều kích toàn diện của nhân loại, tức là ý nghĩa trọn đầy của đời sống con người” (RH 11, DC, tr. 306-307).

Như vậy, thái độ truyền giáo “luôn bắt đầu bằng một tình cảm tôn trọng sâu xa đối với “những gì có trong mỗi con người” (xem Ga 2, 25), để cho chính người đó, tận sâu thẳm của lý trí mình, từ chính những vấn đề thâm sâu và quan trọng nhất; tức là tôn trọng những gì mà Thánh Thần, Đấng “muốn thổi đầu thì thổi” (Ga 3, 8), đã khai mở trong mình” (RH 12, DC, tr. 307).

Đức Thánh Cha thường trích dẫn Ga 3, 8, hoặc Rm 8, 26, khi thánh Phaolô nói về Thánh Thần cầu nguyện trong chúng ta. Đức Giáo Hoàng áp dụng lời nói của thánh Phaolô cho tất cả các cầu nguyện đích thực, dù đó là của người Ki-tô hữu hoặc của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác:

“Điều quy tụ và nối kết, một cách đặc biệt, những người Ki-tô hữu và tín đồ của các tôn giáo khác đó là nhận biết nhu cầu của việc cầu nguyện, như là biểu hiện nhu cầu thiêng liêng của con người hướng về Đấng Siêu Việt. Ngay cả đối với một số người, Ngài đang là Đấng Vô Danh, thì một lời cầu cũng sẽ được nghe bởi Thánh Thần, Đấng khi biết các giới hạn và yếu đuối của con người, chính Ngài cầu nguyện trong chúng ta và cho chúng ta “bằng những tiếng rên xiết khôn tả” (Rm 8, 26). Lời chuyển cầu của Thánh Thần Thiên Chúa, Đấng cầu trong chúng ta và cho chúng ta, là hoa trái của mầu nhiệm Cứu Độ của Đức Ki-tô, nơi mà tình yêu trọn vẹn của Chúa Cha đã tỏ cho thế giới”⁷.

Qua các bản văn này, ta thấy rõ giáo huấn của Đức Gioan-Phaolô II: Chúa Thánh Thần hiện diện và hoạt động tích cực trong thế giới, trong tín đồ các tôn giáo khác và trong chính các truyền thống tôn giáo. Lời cầu nguyện đích thực (ngay cả khi hướng về một Thiên Chúa Vô Danh), các giá trị và đức hạnh của con người, kho tàng khôn ngoan tiềm ẩn trong các truyền thống tôn giáo, những đối thoại chân thành và các cuộc gặp gỡ đích thực giữa các thành viên của các tôn giáo, là hoa trái của sự hiện diện sống động của Chúa Thánh Thần.

Diễn văn trước giáo triều Rô-ma: Chúng ta cũng không thể quên diễn văn của Đức Gioan-Phaolô II với các thành viên của giáo triều Rô-ma ngày 22 tháng 12 năm 1986. Diễn văn này dành toàn bộ nội dung đề cập tới ngày quốc tế cầu nguyện cho hòa bình diễn ra ở Assisi hai tháng trước đó (27-10-1986)⁸. Đức Thánh Cha giải thích ý nghĩa của ngày này, đồng thời cho biết đây là công việc nối tiếp và thực hành những giáo huấn cụ thể của Công Đồng Vaticanô II.

Về mặt thần học, diễn văn dùng những thuật ngữ của Vaticanô II khi nói về sự hiệp nhất của con người trong tạo dựng cũng như trong cứu chuộc, tức là hợp nhất trong nguồn gốc và trong cứu cánh (NA 1). Đương nhiên là bản văn này khai triển các vấn đề này rộng hơn. “Mầu nhiệm hiệp nhất” nối kết tất cả mọi người, cho dù họ bị phân tán do hoàn cảnh của cuộc sống: “Những khác biệt ít quan trọng hơn so với sự hợp nhất, vì sự hợp nhất là căn nguyên, căn bản và có tính quyết định” (3).

Về sự hợp nhất, trong bản văn này cũng như các bản văn mà chúng ta có dịp đề cập tới, Đức Thánh Cha giải thích là nhờ sự hiện diện và hoạt động tích cực của Chúa Thánh Thần trong đời sống của các tín đồ thuộc các truyền thống tôn giáo khác. Sau khi quan sát, ở Assisi, các tham dự viên cầu nguyện cho hòa bình theo truyền thống tôn giáo của mình, đồng thời cùng nhau tìm

⁷ Sứ điệp của Đức Gioan-Phaolô II gửi các dân tộc Á Châu (Manila ngày 21-2-1981), trong DC 78 (1981), tr. 281-283 (tr. 281-282).

⁸ Nguyên văn được xuất bản bởi Secretariat Pro Non Christianis, *Bulletin*, n. 64; 22 (1987/1), tr. 62-70.

kiếm chân lý, Đức Thánh Cha ghi nhận có một “biểu hiện tuyệt diệu về sự hợp nhất, nối kết chúng ta lại với nhau vượt trên mọi khác biệt và chia rẽ”. Ngài giải thích lý do như sau: “Tất cả những lời cầu nguyện đích thực được ở dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần “Đấng chuyển cầu cho chúng ta, vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải”, nhưng Ngài cầu trong chúng ta “bằng những tiếng rên xiết khôn tả và Đấng dò thấu lòng dạ biết hứng của Thần Khí” (Rm 8, 26-27). Chúng ta có thể ghi nhận rằng tất cả những lời cầu nguyện đích thực đều được khơi dậy bởi Chúa Thánh Thần, Đấng hiện diện một cách nhiệm mầu trong tim của mọi người” (11). Như vậy, bản văn này cũng có một nội dung giống “Sứ điệp gửi cho các dân tộc Á Châu” mà chúng ta đã có dịp đề cập.

Dominum et vivificantem: Một tài liệu khác nói rõ ràng hơn về sự phạm của Chúa Thánh Thần, đó là Tông Huấn về Chúa Thánh Thần, *Dominum et vivificantem* ban hành ngày 18 tháng 5 năm 1986. Trong Tông Huấn này, Đức Thánh Cha nói một cách rõ ràng về hoạt động phổ quát của Chúa Thánh Thần trước thời kỳ Ki-tô giáo và cả bên ngoài Giáo Hội ngày hôm nay. Trước thời kỳ Ki-tô giáo, hoạt động của Chúa Thánh Thần, trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa, nhằm hướng về Đức Ki-tô. Bên ngoài Giáo Hội ngày hôm nay, hoạt động của Ngài sẽ được hoàn thiện trong Chúa Ki-tô. Đức Thánh Cha giải thích nội dung Ki-tô học và Thánh Linh học về ân sủng như sau:

“Không thể giới hạn hai ngàn năm trôi qua từ khi Chúa Ki-tô giáng trần. Phải đi ngược dòng thời gian về trước, thấu nhận tất cả các hoạt động của Chúa Thánh Thần trước khi Đức Ki-tô nhập thể- từ khởi nguyên – trên toàn bộ thế giới và đặc biệt là trong nhiệm vụ cứu độ của Giao Ước cũ Thật vậy, hoạt động này, trong mọi thời và mọi lúc, ngay cả trong mọi người, được kiện toàn theo chương trình cứu độ muôn đời, trong đó, nó nối kết một cách mật thiết với mầu nhiệm nhập thể và cứu chuộc; mầu nhiệm này đã thực hiện ảnh hưởng lên những ai đã tin vào Đức Giê-su sẽ đến (...). Vì vậy, ân sủng bao hàm vừa chiều kích Ki-tô vừa chiều kích Thánh Linh, hai chiều kích này gặp gỡ nhau một cách đặc biệt nơi những người tin một cách rõ ràng vào Đức Ki-tô (...).

Nhưng (...) chúng ta cũng phải nhìn xa hơn và “rộng hơn”, khi biết rằng “gió muốn thổi đâu thì thổi” (xem Ga 3, 8). Công Đồng Vaticanô II, khi đặt trọng tâm vào đề tài Giáo Hội, nhắc nhở chúng ta rằng Chúa Thánh Thần cũng hoạt động “bên ngoài” thân thể hữu hình của Giáo Hội. Công Đồng nói một cách chính xác về “tất cả những ai có thiện chí được ơn thánh hoạt động một cách vô hình trong tâm hồn. Thực vậy, vì Chúa Ki-tô đã chết cho mọi người và vì ơn gọi cuối cùng của con người thực ra là duy nhất, nghĩa là do Thiên Chúa, cho nên ta phải tin chắc rằng Chúa Thánh Thần ban cho mọi người khả năng tham dự vào mầu nhiệm Phục Sinh ấy, cách nào đó chỉ có Chúa biết thôi” (GS 22) (53)⁹.

Redemptoris misio: Chủ đề về sự hiện diện của Chúa Thánh Thần và hoạt động phổ quát của Ngài tái xuất hiện trong Thông Điệp *Redemptoris misio* ban hành vào ngày 7 tháng 12 năm 1990¹⁰. Thông điệp tuyên bố một cách rõ ràng rằng Chúa Thánh Thần hiện diện không chỉ trong từng người, nhưng cả trong các truyền thống tôn giáo:

“Chúa Thánh Thần biểu hiện một cách đặc thù trong Giáo Hội và trong các thành viên của Giáo Hội; tuy nhiên sự hiện diện và hoạt động của Ngài có tính phổ quát, không giới hạn trong không gian và thời gian. (...). Thánh Thần (...) là nguồn gốc của các câu hỏi hiện sinh và tôn giáo của con người, những câu hỏi không chỉ xuất phát từ điều kiện sống, mà ngay cả từ cấu trúc của con người.

⁹ DC 83 (1986), tr. 583-612 (tr. 602).

¹⁰ DC 88 (1991), tr. 153-159.

Sự hiện diện và hoạt động của Thánh Thần không chỉ liên hệ đến từng con người, mà cả xã hội và lịch sử, các dân tộc, các nền văn hóa, các tôn giáo” (28).

Người ta cũng tự hỏi sự hiện diện tích cực của Thánh Thần trong các tôn giáo có liên hệ gì đến vai trò cứu độ của các tôn giáo? Về điểm này, Tông Huấn chỉ tóm gọn trong hai câu. Một mặt, Tông Huấn khẳng định ơn cứu độ trong Đức Giê-su Ki-tô có thể đạt được cho những người ngoài Giáo Hội “nhờ vào ân sủng, vẫn có một tương quan nhiệm mầu với Giáo Hội, dù chưa dẫn họ vào Giáo Hội hữu hình, nhưng soi sáng cho họ một cách phù hợp với tình trạng lý trí và phạm vi đời sống của họ” (RM 10). Mặt khác, trong khi nhấn mạnh “trung gian duy nhất và phổ quát” của Đức Ki-tô, Tông Huấn nhìn nhận khả năng, trong trật tự cứu độ, “sự cộng tác của các trung gian theo cách thức và trật tự đa dạng”: “Sự cộng tác của các trung gian theo cách thức và trật tự đa dạng không bị loại trừ, nhưng các trung gian này chỉ có ý nghĩa và giá trị từ Đức Giê-su Ki-tô, và các trung gian này không được xem là song song hay bổ sung” (RM 5).

Tertio millennio adveniente: Quả thực, dù tái đưa vào trong các bản văn của mình sự hiện diện của Thánh Thần Thiên Chúa trong các truyền thống tôn giáo, Đức Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II lấy lại “thần học hoàn thiện” trong các bản văn tiếp theo, như Đức Phaolô VI đã làm trong thông điệp *Evangelii nuntiandi* mà chúng ta đã có dịp đề cập. Cụ thể, trong lá thư mục vụ *Tertio millennio adveniente* ban hành ngày 10 tháng 11 năm 1994, Đức Giáo Hoàng viết:

“(Đức Giê-su) (...) không chỉ giới hạn vào việc nói “nhân danh Thiên Chúa” như các ngôn sứ, nhưng chính Thiên Chúa nói trong Ngôi Lời Vĩnh Hằng mặc lấy xác phàm. Chúng ta chạm vào đây một điểm chính yếu, điểm khác biệt giữa Ki-tô giáo với các tôn giáo khác, những tôn giáo thể hiện ngay từ đầu việc con người đi tìm kiếm Thiên Chúa. Trong Ki-tô giáo, điểm xuất phát, chính là Ngôi Lời Nhập Thể. Ở đây, không chỉ có con người đi tìm Thiên Chúa, nhưng chính Thiên Chúa đến làm người để nói về Ngài cho con người và để chỉ cho con người con đường đạt tới Ngài (...) Ngôi Lời nhập thể là sự kiện toàn hảo khát hiện hữu trong tất cả các tôn giáo của nhân loại: sự hoàn thiện này là công trình của Thiên Chúa và Ngài vượt lên mọi chờ đợi của con người. Đó là mầu nhiệm của hồng ân.

Trong Đức Ki-tô, tôn giáo không còn là việc “mò mẫm đi tìm Thiên Chúa” (xem CV 17, 27), nhưng là lời đáp trả của Đức Tin vào một Thiên Chúa tự mặc khải chính mình (...). Qua cách thức này, Đức Ki-tô cụ thể hóa khát vọng của tất cả các tôn giáo trên thế giới, và cũng qua đó, Ngài là sự viên mãn duy nhất và chung cuộc” (61)¹¹.

Bản văn này xác nhận các tôn giáo đạt tới sự hoàn thiện trong Đức Ki-tô, và trong Ki-tô giáo, với việc Thiên Chúa tự mặc khải trong Người Con Nhập Thể là một câu trả lời cho các vấn nạn phổ quát của con người về Thiên Chúa, được biểu hiện qua các truyền thống tôn giáo; nói một cách khác, mặc khải và ân sủng của Thiên Chúa đáp trả khát vọng tôn giáo tự nhiên của con người.

Đối thoại và rao giảng (dialogue et annonce): Một tài liệu khác được Hội Đồng Giáo Hoàng về Đối Thoại Liên Tôn và Thánh Bộ Rao Giảng Tin Mừng Cho Các Dân Tộc đồng ấn hành vào ngày 19 tháng 5 năm 1991 cũng đi theo đường hướng này. Tài liệu mang tựa đề: *Đối thoại và rao giảng. Suy tư và định hướng liên quan đến vấn đề đối thoại liên tôn và rao giảng Tin Mừng của Đức Giê-su Ki-tô*¹². Tài liệu này có một phần cụ thể, “Một cách tiếp cận của Ki-tô giáo với các tôn giáo khác” (14-32) – một dạng tài liệu đầu tiên trong các tài liệu của Giáo Hội về các câu hỏi liên quan đến thành viên của các truyền thống tôn giáo khác cũng như các truyền thống của họ. Vào cuối phần này, có một đoạn quan trọng có quan niệm vượt xa các tài liệu khác của

¹¹ DC 91 (1994), tr. 1018.

¹² Pontificum Consilium Pro Dialogo Interreligiones, *Bulletin*, n. 77; 26 (1991/2), tr. 260-302.

Giáo Hội về vai trò của các truyền thống tôn giáo trong vấn đề cứu độ trong Đức Giê-su Ki-tô cho các thành viên của mình:

“Trong “mầu nhiệm hiệp nhất” này, tất cả những ai được cứu độ đều tham dự, dù với cách thức khác nhau, vào cùng một mầu nhiệm cứu độ trong Đức Giê-su-Ki-tô qua Thánh Thần của Ngài. Người Ki-tô hữu ý thức điều này, nhờ Đức Tin của mình, trong khi đó những người khác vẫn chưa ý thức được rằng Đức Giê-su-Ki-tô là nguồn mạch ơn cứu độ cho họ. Mầu nhiệm cứu độ vẫn đạt tới họ, bằng những con đường mà chỉ có Thiên Chúa biết, nhờ những tác động vô hình của Thánh Thần của Đức Ki-tô. Một cách cụ thể, nhờ thực hành một cách chân thành những gì tốt đẹp trong các truyền thống tôn giáo của mình và sống theo hướng dẫn của lương tâm, tín đồ của các tôn giáo khác đáp trả một cách tích cực lời mời gọi của Thiên Chúa và lãnh nhận ơn cứu độ trong Đức Giê-su-Ki-tô ngay cả khi họ chưa biết cũng như chưa tuyên xưng Danh Ngài” (xem AG 3,9, 11) (29).

Tuyên bố có phần thận trọng. Tuy nhiên, một cánh cửa nhỏ đã hé mở. Lần đầu tiên, một tài liệu của giáo quyền nhìn nhận một “trung gian tham dự” vào việc cứu độ của các tín đồ trong các truyền thống tôn giáo. Với khẳng định này, hình như chúng ta đi từ “thần học kiện toàn” sang thần học về sự hiện diện tích cực mầu nhiệm cứu độ của Đức Giê-su-Ki-tô trong chính các truyền thống tôn giáo.

Dominus Jesus: Đây là một tài liệu của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin ban hành ngày 6 tháng 8 năm 2000, do Đức Hồng Y Giu-se Ratzinger, chủ tịch Thánh Bộ ấn ký. Một mặt, tài liệu nhấn mạnh việc tại sao ta phải tôn trọng các truyền thống tôn giáo khác. Về mặt này, tài liệu lấy lại các quan điểm của Công Đồng Vaticanô II, cũng như các văn kiện hậu Công Đồng mà chúng ta đã có dịp tiếp cận. Mặt khác, trước sự lớn mạnh của thuyết tương đối- một số thần học gia nhân danh đa nguyên tôn giáo để biện minh cho thuyết tương đối (DJ 4), cũng như trước việc một số thần học gia chạy theo thuyết “Dĩ Thiên Chúa Vi Trung” thay vì “Dĩ Đức Ki-tô Vi Trung”, Thánh Bộ đã nhấn mạnh tới việc bình đẳng trong đối thoại, nhưng không bình đẳng trong giáo lý:

“ Đối thoại là một phần trong trách vụ của Giáo Hội đến với muôn dân khi loan báo Tin Mừng. Sự bình đẳng, điều kiện cần thiết cho đối thoại, có nghĩa là nhân phẩm con người từ mọi phía đều bằng nhau, nhưng về giáo lý thì không thể bằng nhau và càng không thể bằng nhau giữa Đức Giê-su Ki-tô, một Thiên Chúa làm người và các vị sáng lập các tôn giáo khác » (DJ 22).

Qua tài liệu này, một lần nữa Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin khẳng định mặc khải nơi Đức Giê-su-Ki-tô là mặc khải đầy đủ, kiện toàn. Giáo Hội thật sự của Đức Ki-tô là Giáo Hội Công Giáo.

Kết luận

Các văn kiện Công Đồng và hậu Công Đồng trên đây cho phép chúng ta đưa ra kết luận:

Các nền văn hóa và tôn giáo chân chính hàm chứa những yếu tố “chân, thiện, mỹ”, những giá trị “thiên lương và luân lý”, những nét đẹp của “văn hóa, xã hội”, như là quà tặng của Tạo Hóa, kết quả tiềm ẩn của Hạt giống Ngôi Lời, hoa trái của Thần Khí hoạt động trong văn hóa, các tôn giáo ngoài Ki-tô giáo.

Tuy nhiên, nền văn hóa và tôn giáo (bao gồm nghi lễ) nào cũng có những bóng tối cần được ánh sáng Tin Mừng thanh tẩy và kiện toàn. Vì thế, chúng ta cần xem xét hành vi nào thì được, hành vi nào thì không? Khi đối thoại hoặc hội nhập văn hóa, cần lưu ý đến căn tính người ki-tô hữu, như Đức Phan-xi-cô đã nhấn mạnh: **« Đối thoại không có nghĩa là từ bỏ căn tính của mình khi đến với người khác, và cũng không phải là chấp nhận thỏa hiệp về đức tin và**

luân lý Ki-tô giáo. Trái lại, sự cởi mở đúng nghĩa bao hàm việc kiên định trong những xác tín sâu xa nhất của mình, rõ ràng và tươi vui trong căn tính của mình” (*Evangelii Gaudium* 251); và vì vậy tin rằng việc gặp gỡ người khác có thể đem lại cơ hội để lớn lên trong tình huynh đệ, để phong phú hoá và để làm chứng. Vì thế đối thoại liên tôn và loan báo Tin Mừng không loại trừ nhau, nhưng bổ túc cho nhau. Chúng ta không áp đặt bất cứ điều gì, chúng ta không sử dụng những chiến lược mãnh khoẻ để lôi kéo tín hữu, nhưng chúng ta loan báo Tin Mừng với niềm vui và lòng đơn sơ về những gì chúng ta tin tưởng và những gì chúng ta cảm nghiệm. Thật vậy, một cuộc gặp gỡ mà trong đó mỗi người bỏ qua một bên điều mình tin, giả vờ từ bỏ những gì là quý giá nhất với mình, chắc chắn không phải là cuộc gặp gỡ đích thực. Người ta gọi đó là tình huynh đệ giả tạo. Là những môn đệ của Chúa Giê-su, chúng ta phải nỗ lực vượt qua nỗi sợ, luôn sẵn sàng đi bước trước, không nản chí trước những khó khăn và hiểu lầm »¹³.

Tài liệu tham khảo

DC 83 (1986), tr. 583-612 (tr. 602).

DC 88 (1991), tr. 153-159.

Secretariatus Pro Non Christianis, *Bulletin*, n. 56 ; 19 (1982/2), tr. 146-165 (ở đây tr. 155).

Nguyễn Văn Đức xuất bản bởi Secretariatus Pro Non Christianis, *Bulletin*, n. 64; 22 (1987/1), tr. 62-70.

Sứ điệp của Đức Gioan-Phaolô II gửi các dân tộc Á Châu (Manila ngày 21-2-1981), trong DC 78 (1981), tr. 281-283 (tr. 281-282).

Biodata

Lm. Fx. Nguyễn Tiến Dung là tu sĩ Dòng Thăng Thiên Thánh Augustinô và hiện là giáo sư tại Học viện Công Giáo Việt Nam.

Fr. Francis Nguyen Tien Dung is a priest of the Augustinians of the Assumption (Assumptionists), and a professor at the Catholic Institute of Vietnam.

¹³Huấn từ năm 2013: Từ ngày 25 đến 28-11-2013, Đại hội toàn thể Hội đồng Tòa Thánh về Đối thoại liên tôn đã diễn ra tại Vatican với chủ đề “Thành viên của các truyền thống tôn giáo khác nhau trong xã hội dân sự”. Trong dịp này, Đức Thánh Cha Phan-xi-cô đã dành cho 50 tham dự viên Đại hội một buổi tiếp kiến vào sáng 28-11-2013 tại Hội trường Clementine.